

# ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG THEO “BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ XÃ NÔNG THÔN MỚI” CỦA XÃ VINH VIỄN, HUYỆN LONG MỸ, TỈNH HẬU GIANG

Nguyễn Duy Cần và Trần Duy Phát<sup>1</sup>

## ABSTRACT

*The application of the “Set of National Standards of New Rural” depends on local socio-economic conditions and approaches. This study aims to examine the responsive levels of a village to the 19 criteria of the Set of National Standards of New rural (SNSNR). The study was conducted at Vinh Vien village, a pilot new rural village of Hau Giang province. Results of the study showed that only 6/19 criteria of the SNSNR were achieved. The criteria achievements were rural market, the forms of production organization, education, health, cultural, and socio-order and security. Four criteria of new rural model are being in process to fulfill as of electricity, post, school and environment. There were four criteria to be considered as of great challenges to local authority and inhabitant in executing to fulfill requirements of SNSNR are housing conditions, incomes, poor household ratio and labor-structure. Lessons learnt in executing of new rural are localities should be based on their reality conditions and advantages to select one or two strategic criteria to impulse the process to be faster and more effective. Enhancement of the participation and empowerment local people are considered as the key for the successful in executing the new rural.*

**Keywords:** *New rural, A set of National Standards of New Rural, fulfillment levels*

**Title:** *Assessment of the fulfillment levels to the “Set of National Standards of New Rural” in Vinh Vien village, Long My district, Hau Giang province*

## TÓM TẮT

*Việc áp dụng Bộ tiêu chí Quốc gia (BTCQG) về nông thôn mới tùy thuộc vào điều kiện kinh tế - xã hội của từng địa phương và cách tiếp cận. Nghiên cứu này nhằm xác định mức độ đáp ứng của địa phương đối với 19 tiêu chí của BTCQG. Nghiên cứu được thực hiện tại xã Vinh Viễn, một xã điểm về xây dựng nông thôn mới của tỉnh Hậu Giang. Kết quả nghiên cứu cho thấy, qua một năm thực hiện xã đạt được 6/19 tiêu chí của BTCQG. Các tiêu chí đạt được là chợ nông thôn, hình thức tổ chức sản xuất, giáo dục, y tế, văn hóa và an ninh - trật tự xã hội. Có bốn tiêu chí đang trong quá trình hoàn thành là điện, bưu điện, trường học và môi trường. Bốn tiêu chí được xem là thách thức đối với chính quyền xã và người dân trong việc thực hiện để đáp ứng được yêu cầu của BTCQG là nhà ở dân cư, thu nhập, hộ nghèo và cơ cấu lao động. Bài học kinh nghiệm cho việc xây dựng nông thôn mới là các địa phương cần dựa vào điều kiện thực tế, lợi thế của địa phương để lựa chọn thực hiện một hai nội dung mang tính chiến lược đòn bẩy để thúc đẩy tiến trình này nhanh chóng hơn và hiệu quả hơn. Tăng cường sự tham gia và quyền quyết định của người dân được xem là chìa khóa của sự thành công trong xây dựng nông thôn mới.*

**Từ khóa:** *Nông thôn mới, Bộ tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới, mức độ đáp ứng*

---

<sup>1</sup> Khoa Phát triển Nông thôn - Trường Đại học Cần Thơ

## 1 MỞ ĐẦU

Ở Việt Nam, vấn đề phát triển “tam nông” (nông nghiệp, nông dân, nông thôn) cũng như xây dựng “nông thôn mới”, còn khá mới đối với lĩnh vực nghiên cứu. Cho đến nay ở đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) chưa có công trình nghiên cứu đầy đủ nào về “nông thôn mới” hay phát triển “tam nông”. Năm 2001, Viện Nghiên cứu Phát triển ĐBSCL (Viện NC&PT Hệ thống Canh Tác trước đây) thuộc Đại học Cần Thơ có thực hiện một đề tài về “*Nghiên cứu mô hình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn - trường hợp cho huyện Ô Môn, tỉnh Cần Thơ*” (Võ-Tòng Xuân, Nguyễn Duy Cần *et al.*, 2001). Nghiên cứu này đã đánh giá và phân tích một cách toàn diện hiện trạng và tiềm năng cho phát triển kinh tế - xã hội theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn ở cấp độ huyện. Các kết quả và đề xuất của nghiên cứu này có giá trị tham khảo về mặt chiến lược, áp dụng chỉ đạo phát triển kinh tế - xã hội ở quy mô cấp huyện.

Gần đây, Viện Nghiên cứu Phát triển ĐBSCL thuộc Đại học Cần Thơ có thực hiện một nghiên cứu về “*Lập kế hoạch xây dựng mô hình xã nông thôn mới thành phố Cần Thơ giai đoạn 2007-2010*” (Nguyễn Văn Sánh, 2008). Nghiên cứu này được thực hiện tại xã Nhơn Nghĩa, huyện Phong Điền, một vùng ven của thành phố Cần Thơ. Các kết quả của nghiên cứu này đã phân tích và đánh giá rất đầy đủ các tiêu chí phát triển liên quan đến phát triển kinh tế và nông nghiệp, trong khi các tiêu chí phát triển về mặt xã hội còn hạn chế. Thêm nữa, các tiêu chí phát triển xã nông thôn mới của nghiên cứu dựa vào nhu cầu và tiềm lực địa phương hơn là theo tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới.

Vào tháng 8 năm 2008 Ban Chấp hành Trung ương Khóa X đã đưa ra Nghị quyết 26 về vấn đề “nông nghiệp, nông dân, nông thôn”, tiếp đến Chính phủ đưa ra Nghị quyết 24 về chương trình hành động nhằm thực hiện Nghị quyết 26 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Năm 2009, Chính phủ ban hành “Bộ tiêu chí Quốc gia (BTCQG) về nông thôn mới” (Quyết định số 491/QĐ-TTg) bao gồm 19 tiêu chí, đến năm 2010 Chính phủ cũng đã phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020 (Quyết định số 800/2010/QĐ-TTg). Như vậy, Đảng và Chính phủ đã xem vấn đề “nông nghiệp, nông dân và nông thôn” như là quyết sách cho sự phát triển nông thôn Việt Nam và vấn đề “nông thôn mới” được Đảng và Chính phủ đưa vào chương trình nghị sự quốc gia để quyết tâm thực hiện. Ở các địa phương, các vùng miền cả nước đang chuẩn bị và thực hiện từng bước các Nghị quyết của Đảng và Chính phủ về xây dựng nông thôn mới. Tuy nhiên, việc xây dựng và phát triển nông thôn mới tại các địa phương đã gặp không ít khó khăn, tùy thuộc rất lớn vào điều kiện kinh tế - xã hội của từng vùng miền, bước đi và cách tiếp cận. Sự đáp ứng thực hiện BTCQG về xã nông thôn mới cũng tùy thuộc vào điều kiện, phương pháp, cách tiếp cận của mỗi địa phương trong tiến trình thực hiện. Nghiên cứu này nhằm đánh giá thực tiễn quá trình thực hiện xây dựng nông thôn mới của xã Vĩnh Viễn, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Mục tiêu của nghiên cứu này là: (i) Xác định được các điều kiện kinh tế - xã hội đáp ứng BTCQG về xã nông thôn mới của địa phương; (ii) Đánh giá mức độ đáp ứng của cộng đồng địa phương; (iii) đề xuất được các giải pháp thúc đẩy quá trình xây dựng xã nông thôn mới, nhằm rút ra các bài học kinh nghiệm phổ biến cho các vùng tương tự, đặc biệt là các xã có điểm xuất phát thấp.

## 2 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1 Phương pháp thu thập số liệu

#### 2.1.1 Thu thập số liệu thứ cấp

Số liệu thứ cấp được thu thập từ các báo cáo và chính sách có liên quan đến việc xây dựng xã nông thôn mới của xã Vĩnh Viễn, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang; các báo cáo khoa học và tạp chí liên quan đến vấn đề xây dựng xã nông thôn mới.

#### 2.1.2 Thu thập số liệu sơ cấp

Số liệu sơ cấp được thu thập bằng phương pháp PRA (Participatory Rural Appraisal) (Nguyễn Duy Cần và Nico Vromant, 2009). Các thông tin chính bao gồm số liệu liên quan đến BTCQG về xã nông thôn mới (Quyết định số 491/QĐ-TTg). Phòng vấn người cung cấp thông tin chủ yếu (Key Informant Panel) là những lãnh đạo đầu ngành của xã và các cán bộ phụ trách các lĩnh vực có liên quan đến nội dung các tiêu chí của “BTCQG về nông thôn mới”. Phòng vấn nhóm cộng đồng được thực hiện tại các ấp, mỗi nhóm có 10 - 15 người và thực hiện tại 7 ấp.

### 2.2 Xử lý và phân tích số liệu

#### 2.2.1 Tiến trình xử lý

Phương pháp PRA cho phép thu thập thông tin định tính. Phần lớn các số liệu thu thập mang tính định tính, được kiểm tra qua phương pháp thảo luận, kiểm tra chéo bởi các công cụ PRA. Do vậy, số liệu có độ tin cậy cao. Một số thông tin liên quan đến các tiêu chí có thể lượng hóa được cũng được định lượng bằng phương pháp cho điểm, xếp hạng trong quá trình phân tích, thảo luận với người dân.

#### 2.2.2 Phân tích số liệu

Số liệu được phân tích dưới dạng tần số xuất hiện, giá trị phần trăm, giá trị trung bình, giá trị lớn nhất, giá trị nhỏ nhất.

## 3 KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

### 3.1 Tổng quan về xã Vĩnh Viễn

#### 3.1.1 Đơn vị hành chính và vị trí địa lý

*Đơn vị hành chính:* Xã Vĩnh Viễn nằm ở phía Tây của huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang là một trong 15 đơn vị hành chính cấp xã/thị trấn của huyện Long Mỹ. Xã gồm có 07 ấp: ấp 01, ấp 02, ấp 03, ấp 04, ấp 05, ấp 11 và ấp 12.

*Vị trí địa lý:* Về ranh giới hành chính, phía Đông giáp xã Vĩnh Thuận Đông và xã Thuận Hưng; phía Tây giáp xã Vĩnh Viễn A; phía Nam giáp xã Lương Tâm và xã Xà Phiên; và phía Bắc giáp thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang (Hình 1). Xã Vĩnh Viễn cách thị trấn Long Mỹ 10km, xã có Tỉnh lộ 930 được nhựa hóa, có sông Nước Trong và sông Nước Đục đi qua nên rất thuận lợi cho việc giao lưu và trao đổi hàng hóa của người dân trong xã và các xã lân cận.

### 3.1.2 Khí hậu - thủy văn

**Khí hậu:** Tỉnh Hậu Giang nói chung và xã Vĩnh Viễn nói riêng có đặc trưng khí hậu nhiệt đới gió mùa. Nhiệt độ trung bình hàng năm vào khoảng 27<sup>0</sup>C và nhiệt độ trung bình giữa các tháng trong năm chênh lệch không lớn, cao nhất 28.5<sup>0</sup>C và thấp nhất 25.8<sup>0</sup>C. Với nền nhiệt độ này không gây trở ngại lớn cho hoạt động sản xuất nông nghiệp cũng như nuôi trồng thủy sản của địa bàn. Tổng lượng mưa trung bình hàng năm vào khoảng 1.526 mm. Mùa mưa thường bắt đầu vào tháng 5 và kết thúc vào cuối tháng 11 với lượng mưa chiếm đến 90% tổng lượng mưa cả năm. Lượng mưa lớn nhất lại trùng vào mùa nước lũ của sông Cửu Long dồn về hạ lưu nên gây ra tình trạng ngập úng, chi phối đến nhiều hoạt động sản xuất và đời sống của người dân nơi đây.

**Thủy văn:** Xã Vĩnh Viễn được giới hạn bởi hai hệ thống sông lớn là sông Nước Đục và sông Nước Trong và hệ thống kênh rạch chằng chịt. Do hệ thống sông rạch của vùng nên xã Vĩnh Viễn bị ảnh hưởng của sông Hậu đồng thời chịu ảnh hưởng của chế độ nhật triều biển Tây qua hệ thống sông Cái Lớn. Nhờ địa hình tương đối cao và mực nước lũ không cao (trung bình 0,36m) nên khi thủy triều lên không gây ngập úng nhiều vào mùa mưa lũ, nhưng lại bị ảnh hưởng mặn vào mùa khô, nhất là từ tháng 3 đến tháng 4 hàng năm. Nhìn chung, nguồn nước đáp ứng được nhu cầu sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản của xã.



**Hình 1: Vị trí của xã Vĩnh Viễn**

Nguồn: UBND xã Vĩnh Viễn, 2010

### 3.1.3 Đất đai - thổ nhưỡng

**Đất đai:** Xã Vĩnh Viễn có tiềm năng quỹ đất khá rộng, là xã có diện tích tự nhiên lớn thứ hai trong toàn huyện và chiếm đến 10,6% tổng diện tích toàn huyện. Qua bảng 1 cho thấy diện tích đất nông nghiệp của xã rất lớn, chiếm hơn 90%.

**Bảng 1: Hiện trạng sử dụng đất**

| STT         | Loại đất        | Diện tích (ha)  | Tỉ lệ (%)    |
|-------------|-----------------|-----------------|--------------|
| 1           | Đất nông nghiệp | 3.819,75        | 90,7         |
| 2           | Đất lâm nghiệp  | 88,46           | 2,1          |
| 3           | Đất công nghiệp | 23,20           | 0,6          |
| 4           | Đất ở           | 70,35           | 1,7          |
| 5           | Đất chuyên dùng | 210,62          | 5,0          |
| <b>Tổng</b> |                 | <b>4.212,37</b> | <b>100,0</b> |

Nguồn: UBND xã Vĩnh Viễn, 2010

**3.1.4 Dân số**

Toàn xã có 2.750 hộ với 12.595 khẩu, chiếm 7,86% dân số toàn huyện. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên của xã là 1,097%. Mật độ dân số bình quân là 267 người/km<sup>2</sup>, phân bố tương đối đồng đều ở các ấp và là xã có mật độ dân số thưa nhất trong toàn huyện. Trên địa bàn xã có hai dân tộc chính cùng sinh sống là Kinh và Khmer, trong đó hộ người Khmer là 109 hộ với 753 khẩu (UBND Xã, 2010; 2010c).

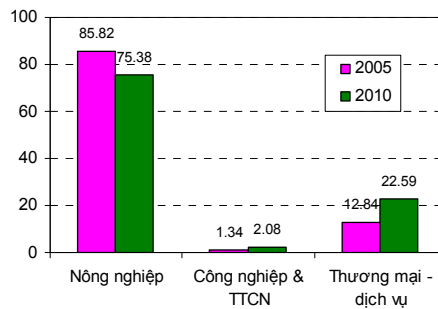
**3.1.5 Văn hóa - xã hội**

Hiện xã có một trạm truyền thanh phủ qua ba ấp (ấp 2, ấp 3 và ấp 11) và bốn trạm truyền thanh ấp (ấp 2, ấp 4, ấp 5 và ấp 12). Về cơ bản đã phủ kín địa bàn với khoảng 80% dân trong xã tiếp cận được với thông tin. Hàng ngày các trạm này phát thanh bản tin địa phương với thời lượng năm phút/lần (UBND Xã, 2010b).

Ở xã có một điểm chùa của đồng bào dân tộc Khmer và đây là nơi sinh hoạt giao lưu văn hóa, văn nghệ và trao đổi kinh nghiệm trong lao động sản xuất của bà con người Khmer (UBND Xã, 2009a).

**3.1.6 Kinh tế**

Tổng giá trị tăng trưởng kinh tế hàng năm của xã từ 5,5% ở năm 2005 lên 7,5% vào năm 2010. Trong đó, tỷ trọng của khu vực sản xuất nông nghiệp có xu hướng giảm, còn công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và thương mại dịch vụ thì tăng lên, nhưng tăng mạnh nhất là ở khu vực thương mại dịch vụ từ 12,84% ở năm 2005 lên 22,59% vào năm 2010 (Hình 2). Phát triển kinh tế của xã đang theo đúng định hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa của Đảng và Chính phủ.



**Hình 2: Cơ cấu kinh tế của xã**

Nguồn: Báo cáo của UBND Xã, 2010a

### 3.2 Mức độ đáp ứng BTCQG về nông thôn mới của xã Vĩnh Viễn

Về mặt số lượng, kết quả khảo sát cho thấy hiện nay xã Vĩnh Viễn có 6 tiêu chí đáp ứng yêu cầu tất cả các nội dung trong tổng số 19 tiêu chí của BTCQG về nông thôn mới. Các tiêu chí đã đạt yêu cầu bao gồm (UBND xã, 2010c): (i) Chợ nông thôn với 1 nội dung; (ii) Hình thức tổ chức sản xuất với 1 nội dung; (iii) Giáo dục với 3 nội dung; (iv) Y tế với 2 nội dung; (v) Văn hóa với 1 nội dung; và (vi) An ninh, trật tự xã hội với 1 nội dung. Đây là những tiêu chí địa phương có khả năng đáp ứng trong xây dựng nông thôn mới. Tiêu chí quy hoạch, do Tỉnh đầu tư toàn bộ kinh phí, địa phương tham gia giám sát, sẽ đáp ứng yêu cầu của BTCQG vào cuối năm 2011.

Có hai tiêu chí gần đáp ứng được yêu cầu của BTCQG là điện và bưu điện. Chỉ tiêu này đã được chính quyền địa phương, ngành hữu quan và người dân đặt mục tiêu đạt được vào cuối năm 2011. Đó là: (1) Tiêu chí điện có 2 nội dung, trong đó đã đạt 1 nội dung về hệ thống điện và 1 nội dung về tỉ lệ hộ sử điện an toàn cũng đạt đến 96,47% trong khi yêu cầu là 98%; (2) Tiêu chí Bưu điện có 2 nội dung, đã đạt nội dung về điểm phục vụ bưu chính viễn thông nhưng chưa đạt nội dung có internet đến ấp (4/7 ấp) trong khi yêu cầu 7/7 ấp.

Có bốn tiêu chí được xem là thách thức đối với chính quyền xã và người dân trong việc thực hiện để đáp ứng được yêu cầu của BTCQG là nhà ở dân cư, thu nhập, hộ nghèo và cơ cấu lao động: (1) Tiêu chí nhà ở dân cư có 2 nội dung nhưng trong đó nội dung về không có nhà tạm dột nát sẽ là một thách thức. Vì hiện nay tỉ lệ nhà tạm của xã là 35% và tốc độ giảm nhà tạm trung bình từng năm của hai năm vừa qua (UBND xã, 2009b & 2010c) là 5%/năm, để đạt được chỉ tiêu này vào năm 2015 mỗi năm xã phải giảm đến 9%, tương đương khoảng 248 ngôi nhà, điều này khó thực hiện được; (2) Thu nhập bình quân đầu người/năm của xã hiện nay 12,8 triệu đồng, thấp hơn so với tỉnh là 15,9 triệu đồng, do xuất phát điểm khá thấp. Để đạt được tiêu chí này vào năm 2015 thì thu nhập bình quân đầu người/năm của xã phải cao hơn thu nhập bình quân trong tỉnh 1,3 lần, trong khi thu nhập chủ yếu của xã là nông nghiệp (chiếm đến 75%), công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp đóng góp không đáng kể; (3) Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn 2011) của xã hiện nay là 26,5% và để giảm xuống còn 7% vào năm 2015 thì mỗi năm tỷ lệ hộ nghèo của xã phải giảm đi 5%, tương đương 138 hộ trong khi thu nhập của người dân chủ yếu dựa vào sản xuất nông nghiệp, rất ít cơ sở dịch vụ và nghề thủ công tại địa phương hầu như không có; (4) Cơ cấu lao động trong nông nghiệp của xã hiện nay là 76%, để đạt chỉ tiêu này (cơ cấu lao động nông nghiệp 35%) vào năm 2015 thì mỗi năm xã phải giảm hơn 10% lao động trong nông nghiệp, tương đương hơn 758 lao động phải chuyển sang lao động phi nông nghiệp trong khi cơ sở dịch vụ rất ít và công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tại địa phương thì chưa phát triển.

### 3.3 Nhận thức của cộng đồng về sự đáp ứng BTCQG về nông thôn mới

Hầu như các nhóm cộng đồng tham gia phỏng vấn PRA đều cho là họ được nghe và biết về việc xã mình được chọn làm xã điểm trong chương trình xây dựng nông thôn mới theo BTCQG được Chính phủ ban hành. Trước đó xã Vĩnh Viễn được chọn là một trong ba Xã làm điểm trong chương trình xây dựng nông thôn mới theo 13 tiêu chí của tỉnh Hậu Giang trong giai đoạn 2006-2010. Qua 5 năm thực hiện đã làm thay đổi một cách sâu sắc bộ mặt và đời sống nông thôn của xã Vĩnh

Viễn, được người dân tham gia cùng sự tích cực của chính quyền địa phương. Do đó, người dân đã cho rằng, chương trình xây dựng nông thôn mới theo BTCQG sẽ mang lại nhiều lợi ích cho họ, nhất là trong việc nâng cao thu nhập và mức sống.

**Bảng 2: Có hoặc chưa nghe/biết về 19 tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới**

| Tên nhóm    | Có nghe/biết |             | Chưa nghe/biết |             | Tổng số   |            |
|-------------|--------------|-------------|----------------|-------------|-----------|------------|
|             | Tần số       | %           | Tần số         | %           | Tần số    | %          |
| Ấp 1        | 12           | 80,0        | 3              | 20,0        | 15        | 100        |
| Ấp 2        | 10           | 83,3        | 2              | 16,7        | 12        | 100        |
| Ấp 3        | 11           | 78,6        | 3              | 21,4        | 14        | 100        |
| Ấp 4        | 9            | 81,8        | 2              | 18,2        | 11        | 100        |
| Ấp 5        | 8            | 80,0        | 2              | 20,0        | 10        | 100        |
| Ấp 11       | 13           | 92,9        | 1              | 7,1         | 14        | 100        |
| Ấp 12       | 9            | 75,0        | 3              | 25,0        | 12        | 100        |
| <b>Tổng</b> | <b>70</b>    | <b>79,9</b> | <b>18</b>      | <b>20,1</b> | <b>88</b> | <b>100</b> |

*Nguồn: kết quả PRA (2011)*

Về việc nghe và biết về 19 tiêu chí của BTCQG về xây dựng nông thôn mới thì có sự khác nhau giữa các nhóm ở mỗi ấp. Nhìn chung, có gần 80% các nhóm của ấp cho rằng họ có nghe và biết về 19 tiêu chí của BTCQG (Bảng 2). Nhóm ấp 11 là nhóm có số người nghe và biết về 19 tiêu chí BTCQG cao nhất (chiếm đến 93%). Đây là nhóm ấp nằm ở trung tâm xã với chợ trung tâm đạt chuẩn Quốc gia và các cơ quan chức năng - hành chính đóng trên địa bàn nên thông tin có lẽ được cập nhật nhanh hơn các nhóm khác. Về tăng thu nhập, theo nhận thức của người dân, có 5 lý do có thể góp phần làm tăng thu nhập (Bảng 3). Có đến 100% các nhóm cho rằng chương trình vay vốn với lãi suất thấp từ ngân hàng Chính sách Xã hội thông qua sự bảo lãnh của đoàn thể và chính quyền địa phương đã giúp người dân có đủ vốn để trồng trọt, chăn nuôi, nuôi thủy sản, làm dịch vụ, mua bán nhỏ... góp phần làm tăng thêm đáng kể lợi nhuận và thu nhập cho người dân; Bên cạnh việc hỗ trợ vốn thì chương trình tập huấn và chuyển giao khoa học kỹ thuật trong trồng trọt, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản đã góp phần làm gia tăng hiệu quả kinh tế trong sản xuất nên thu nhập của người dân được tăng lên (có 7/7 nhóm thừa nhận); Còn việc tăng thu nhập do bán sản phẩm được giá (không bị ép giá) nhờ thuận tiện giao thông hay biết được thông tin giá cả thị trường qua ti vi, báo đài, người quen... thì chỉ có hai nhóm đưa ra (chiếm tỷ lệ 28,6%).

**Bảng 3: Các lý do góp phần gia tăng thu nhập**

| Lý do                                   | Số nhóm | Tần số | Tỉ lệ (%) |
|---|---------|--------|-----------|
| Được vay vốn sản xuất với lãi suất thấp | 7       | 7      | 100,0     |
| Biết cách sản xuất có lợi nhuận cao     | 7       | 7      | 100,0     |
| Được hỗ trợ đào tạo nghề                | 7       | 6      | 85,7      |
| Được giới thiệu việc làm                | 7       | 4      | 57,2      |
| Bán được sản phẩm với giá hợp lý        | 7       | 2      | 28,6      |

*Nguồn: Kết quả PRA (2011).*

Về nâng cao mức sống, có 6 điều kiện được các nhóm đưa ra nhưng nhiều nhất thì liên quan đến giao thông nông thôn và điện (Bảng 4). Có 7/7 nhóm cho rằng việc

đi lại của người dân từ ấp đến xã hay từ xã đến huyện thì rất thuận tiện và dễ dàng hơn ngày xưa rất nhiều vì có lộ nông thôn (bê tông hóa) liên ấp liên xã và từ xã đi huyện đã có đường lộ nhựa (nhựa hóa - xe ô tô di chuyển được). Hầu hết các hộ trong xã đều có điện sinh hoạt nên đời sống có phần văn minh và tiện nghi hơn với các thiết bị sinh hoạt sử dụng điện như quạt máy, ti vi... cũng được các nhóm ghi nhận (100%). Có nước sạch/vệ sinh cho sinh hoạt ăn, uống,... hay việc có đủ trường ở cả 3 cấp học đã tạo điều kiện cho em được học tập đến nơi đến chốn cũng được 6/7 liệt kê. Tuy nhiên, việc cải thiện tình trạng nhà tạm, dột nát họ cho rằng còn khó khăn, có 42,7% nhóm cho rằng có thể qua hình thức xây nhà tình thương, tình nghĩa hay vay xây dựng nhà có thể góp phần thực hiện tiêu chí này.

**Bảng 4: Các điều kiện góp phần nâng cao mức sống**

| Điều kiện                                | Số nhóm | Tần số | Tỉ lệ (%) |
|--|---------|--------|-----------|
| Giao thông thuận lợi và nhanh chóng      | 7       | 7      | 100,0     |
| Có đủ điện cho sinh hoạt và sản xuất     | 7       | 7      | 100,0     |
| Có nước sạch/vệ sinh cho sinh hoạt       | 7       | 6      | 85,7      |
| Có đủ ba cấp học trong địa bàn           | 7       | 6      | 85,7      |
| Thông tin liên lạc thuận tiện và dễ dàng | 7       | 4      | 57,2      |
| Có nhà ở an toàn và ổn định              | 7       | 3      | 42,7      |

Nguồn: Kết quả PRA (2011)

Với 19 tiêu chí trong BTCQG thì hầu hết các nhóm cộng đồng cho rằng tất cả các tiêu chí này đều đáng được quan tâm bởi vì khi thực hiện thành công các tiêu chí này thì không chỉ làm tăng thu nhập và mức sống của cư dân nông thôn mà còn làm cho bộ mặt nông thôn hiện đại - văn minh hơn; làm cho cuộc sống nông thôn ngày càng tiện nghi và gần với thành thị hơn nhưng lại an toàn - an ninh hơn thành thị. Khi phải chọn 5 tiêu chí mà mình quan tâm nhất để xác định mức độ ưu tiên trong tham gia thực hiện thì hầu hết các nhóm chọn các tiêu chí liên quan đến tăng thu nhập và nâng cao mức sống. Bảng 5 trình bày các tiêu chí mà người dân ưu tiên thực hiện trong tiến trình xây dựng xã nông thôn mới.

**Bảng 5: Các tiêu chí Quốc gia cần ưu tiên thực hiện theo người dân**

| TT | Nội dung                                     | Tần số | Tổng điểm | Xếp hạng |
|----|--|--------|-----------|----------|
| 1  | Tăng thu nhập ( <i>gấp 1,3 lần</i> )         | 7      | 34        | 1        |
| 2  | Giao thông ( <i>xã - ấp và liên ấp</i> )     | 6      | 22        | 2        |
| 3  | Thủy lợi ( <i>sản xuất - dân sinh</i> )      | 6      | 19        | 3        |
| 4  | Hộ nghèo ( <i>giảm còn 7%</i> )              | 5      | 11        | 4        |
| 5  | Quy hoạch và thực hiện quy hoạch             | 4      | 8         | 5        |
| 6  | Hình thức tổ chức sản xuất                   | 4      | 7         | 6        |
| 7  | Nhà ở dân cư ( <i>an cư mới lạc nghiệp</i> ) | 3      | 4         | 7        |

Nguồn: Kết quả PRA (2011)

Theo kết quả trình bày ở bảng 5 cho thấy, tiêu chí tăng thu nhập được hầu hết các nhóm chọn ưu tiên (34/35 điểm), bởi vì đây là nguyện vọng của họ. Khi đạt được tiêu chí này thì thu nhập bình quân đầu người/năm so với thu nhập bình quân chung khu vực nông thôn của tỉnh phải cao hơn 1,3 lần và như thế đời sống của cư dân nông thôn sẽ được tăng lên đáng kể. Và các nhóm còn đề nghị rằng, để thực hiện thành công tiêu chí này thì các chương trình phát triển sản xuất, vay vốn, đào



tạo nghề, giới thiệu việc làm... phải được thực hiện có hiệu quả. Có 6/7 nhóm ưu tiên thực hiện tiêu chí giao thông và tiêu chí thủy lợi (22 và 19 điểm, theo thứ tự), bởi vì họ cho rằng khi đạt chỉ tiêu này thì lộ nông thôn của ấp không chỉ đáp ứng nhu cầu đi lại thuận tiện của người dân mà còn là tuyến đường vận chuyển sản phẩm trực tiếp từ địa phương đến các nơi tiêu thụ và ngược lại vận chuyển nguyên vật liệu/máy móc, hàng hóa đến địa phương cũng thuận tiện hơn. Tiêu chí quy hoạch và thực hiện quy hoạch và tiêu chí hình thức tổ chức sản xuất cũng được 4 nhóm chọn nhưng tiêu chí quy hoạch và thực hiện quy hoạch được xếp thứ tự ưu tiên cao hơn bởi theo các nhóm này khi xã có được quy hoạch và thực hiện quy hoạch như tiêu chí Quốc gia đề ra sẽ giúp cho người dân biết khu vực của mình được quy hoạch như thế nào mà an tâm phát triển sản xuất cũng như mở rộng các hoạt động kinh doanh - sản xuất.

### **3.4 Đề xuất giải pháp thúc đẩy quá trình xây dựng xã nông thôn mới**

Xã Vĩnh Viễn là một trong ba xã được tỉnh Hậu Giang chọn làm thí điểm thực hiện xây dựng xã nông thôn mới theo 13 tiêu chí của tỉnh Hậu Giang trong giai đoạn 2006-2010. Với sự quyết tâm và nỗ lực không ngừng của Chính quyền, các ban ngành đoàn thể địa phương cùng với sự tham gia của người dân và toàn xã hội nên sau 5 năm thực hiện xã đã được tỉnh công nhận đạt chuẩn xã nông thôn mới của tỉnh Hậu Giang (Quyết định số 1723/QĐ-UBND, ngày 19/8/2010). Đây là tiền đề rất thuận lợi, giúp địa phương có thêm kinh nghiệm cho việc xây dựng xã nông thôn mới theo 19 tiêu chí của BTCQG về nông thôn mới. Trong 13 tiêu chí của tỉnh có đến 8 tiêu chí được đề cập trong 19 tiêu chí của BTCQG nhưng chỉ tiêu và định mức của tỉnh thì thấp hơn. Tuy nhiên, mặc dù trải qua 5 năm thực hiện xây dựng và đạt chuẩn nông thôn mới theo tiêu chí của tỉnh, nhưng việc duy trì phát triển kinh tế, các bước đi tiếp theo để đáp ứng theo 19 tiêu chí của BTCQG vẫn còn là những thách thức. Cán bộ địa phương thực hiện xây dựng nông thôn mới chưa được đào tạo có bài bản, năng lực hạn chế, kinh nghiệm chưa được đúc kết qua thực tiễn.

Để thực hiện thành công việc xây dựng xã nông thôn mới Vĩnh Viễn vào năm 2015, từ kết quả nghiên cứu, phân tích với sự tham gia của người dân và Chính quyền địa phương, những bước đi và phương châm thực hiện như sau:

- Việc xây dựng nông thôn mới của xã nên được thực hiện theo phương châm “nhà nước và nhân dân cùng làm”, huy động tối đa nguồn lực và phù hợp nội lực của cộng đồng địa phương trong thực hiện xây dựng nông thôn mới. Trước hết, cần phát động phong trào để người dân nhận thức rõ và thi đua thực hiện; phải khơi dậy tinh thần yêu nước, sự tự chủ và tự lực vươn lên của người dân, không trông chờ ỷ lại vào nhà nước.
- Xây dựng nông thôn mới của xã phải do cộng đồng dân cư chủ động xây dựng kế hoạch trên cơ sở thảo luận dân chủ và quyết định những nội dung, chỉ tiêu, biện pháp thực hiện phù hợp với điều kiện của địa phương và chính sách của nhà nước; cấp ủy Đảng và Chính quyền đóng vai trò chỉ đạo, tổ chức điều hành quá trình thực thi chính sách, cơ chế, tạo hành lang pháp lý, hỗ trợ vốn, kỹ thuật, hoạch định và tạo điều kiện, động viên tinh thần cho người dân thực hiện. Tùy tình hình cụ thể đưa ra mục tiêu phấn đấu hoàn thành một số chỉ tiêu cho từng năm và cả giai đoạn.

- Chính quyền và Ban quản lý xây dựng nông thôn mới cấp xã cần có cơ chế trao quyền nhiều hơn cho cộng đồng để khuyến khích sự tham gia của người dân, đẩy nhanh tiến độ xây dựng xã nông thôn mới.
- Một số công trình mà địa phương có khả năng quản lý, cần giao UBND xã hoặc Ban quản lý xây dựng nông thôn mới cấp xã làm chủ đầu tư (không kể qui mô đầu tư) để tổ chức, huy động người dân thực hiện các công trình xây dựng trên địa bàn xã, để phát huy sự tham gia, tính sở hữu, xem các công trình này là của chính người dân xây dựng nông thôn mới. UBND tỉnh, huyện có trách nhiệm hướng dẫn về chuyên môn giúp Ban quản lý cấp xã thực hiện.

#### 4 KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

Kết quả nghiên cứu cho thấy rằng các điều kiện tự nhiên và kinh tế - xã hội của xã Vĩnh Viễn có nhiều lợi thế cho việc thực hiện xây dựng nông thôn mới. Tuy nhiên, điểm xuất phát của xã cho việc xây dựng nông thôn mới còn khá thấp.

Có 6/19 tiêu chí của BTCQG về nông thôn mới địa phương đáp ứng được tất cả các nội dung là chợ nông thôn, hình thức tổ chức sản xuất, giáo dục, y tế, văn hóa, và an ninh, trật tự xã hội. Tiêu chí quy hoạch do ngành chuyên môn của tỉnh giúp thực hiện đáp ứng yêu cầu của BTCQG vào cuối năm 2011. Ngoài ra, có bốn tiêu chí đang trong quá trình hoàn thành theo yêu cầu tất cả các nội dung của BTCQG là điện, bưu điện, trường học và môi trường. Có bốn tiêu chí được xem là thách thức đối với chính quyền xã và người dân trong việc thực hiện để đáp ứng được yêu cầu của BTCQG là nhà ở dân cư, thu nhập, hộ nghèo và cơ cấu lao động.

Các tiêu chí được cộng đồng dân cư xã Vĩnh Viễn quan tâm nhiều trong thực hiện xây dựng nông thôn mới là các tiêu chí liên quan đến việc nâng cao thu nhập và mức sống như: phát triển/xây dựng mô hình sản xuất có lợi nhuận cao, phát triển nghề và tạo ra nhiều việc làm, phát triển giao thông nông thôn, hoàn chỉnh hệ thống thủy lợi và giảm hộ nghèo.

Xây dựng nông thôn mới, các địa phương cần dựa vào điều kiện thực tế, lợi thế của địa phương để lựa chọn thực hiện một hai nội dung mang tính chiến lược đòn bẩy để thúc đẩy tiến trình này nhanh chóng hơn và hiệu quả hơn. Đào tạo tăng cường năng lực lãnh đạo cán bộ địa phương và phát huy dân chủ và quyền quyết định của người dân được xem là chìa khóa của sự thành công trong xây dựng nông thôn mới.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Ban Chấp hành Trung ương, 2008. Nghị quyết hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn (Số 26-NQ/TW, ngày 05/8/2008).
- Nguyễn Duy Cần và Nico Vromant, 2009. PRA - Đánh giá nông thôn với sự tham gia của người dân. Nxb Nông nghiệp Tp. Hồ Chí Minh - 2009. 55p
- Nguyễn Văn Sánh, 2008. Lập kế hoạch xây dựng mô hình xã nông thôn mới thành phố Cần Thơ, giai đoạn 2007-2010. Đề tài nghiên cứu khoa học cấp thành phố năm 2008, Sở Khoa học và Công nghệ Tp. Cần Thơ.
- Thủ tướng Chính phủ, 2008. Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn (Số 24/2008/NQ-CP, ngày 28/10/2008).

- Thủ tướng Chính phủ, 2009. Quyết định về việc ban hành BTCQG về nông thôn mới (Số 491/QĐ-TTg, ngày 16/4/2009).
- Thủ tướng Chính phủ, 2010. Quyết định về việc phê duyệt chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020 (Số 800/QĐ-TTg, ngày 04/6/2010).
- Thủ tướng Chính phủ, 2011. Quyết định về việc ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo áp dụng cho giai đoạn 2011-2015 (số 09/2011/QĐ-TTg, ngày 30/01/2011)
- UBND tỉnh Hậu Giang, 2010. Quyết định công nhận xã Vĩnh Viễn, huyện Long Mỹ đạt chuẩn xã nông thôn mới của tỉnh Hậu Giang (Số: 1723/QĐ-UBND, ngày 19/8/2010).
- UBND tỉnh Hậu Giang, 2011. Tài liệu hỏi - đáp: thực hiện BTCQG về xây dựng xã nông thôn mới, Ban chỉ đạo thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới, tháng 4/2011.
- UBND xã Vĩnh Viễn, 2009a. Báo cáo kết quả xây dựng Xã văn hóa năm 2009, ngày 08/10/2009.
- UBND xã Vĩnh Viễn, 2009b. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2009 và phương hướng nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2010.
- UBND xã Vĩnh Viễn, 2010a. Báo cáo tổng kết công tác thực hiện 13 tiêu chí xây dựng xã nông thôn mới của tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2006-2010 và kế hoạch 2010-2015.
- UBND xã Vĩnh Viễn, 2010b. Báo cáo kết quả nâng chất Xã văn hóa năm 2010, ngày 25/11/2010.
- UBND xã Vĩnh Viễn, 2010c. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2010 và phương hướng nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2011.
- Võ-Tòng Xuân, Nguyễn Duy Cần *et al.*, 2001. Nghiên cứu Mô hình Công nghiệp hóa, Hiện đại hóa Nông nghiệp Nông thôn: Trường hợp huyện Ô Môn, tỉnh Cần Thơ. Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước, Ban kinh tế Trung ương Đảng.